

Bản án số: 413/2025/DS-ST

Ngày: 09-6-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân
- Bà Nguyễn Thị Thu Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 672/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 527/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 701/2025/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Trụ sở: Lầu 13, số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1977, địa chỉ liên hệ: Lầu 13, số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo giấy ủy quyền số 2049/2024/UQ-TT.XLN ngày 06/11/2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S).

(Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Hà Thái T, sinh năm 1989

Địa chỉ: C, Khu phố G, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 9 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 24/8/2022, ông Hà Thái T ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Sau đây gọi là ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 24/8/2022 và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng TMCP S có hiệu lực từ 29/11/2019. Theo đó, ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông T với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 196.158.616 đồng, ông T cũng đã thanh toán cho ngân hàng 180.040.366 đồng. Quá trình sử dụng, ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 11/01/2024, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Lãi trong hạn được tính là 2,6%/tháng, lãi quá hạn được tính là 3,9% tháng. Tính đến ngày 09/6/2025, ông T còn nợ gốc là 24.322.124 đồng, nợ lãi quá hạn là 17.356.692 đồng, tổng cộng là 41.678.816 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu ông T trả số tiền 41.678.816 đồng nói trên và thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/6/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết.

* Về ý kiến, đề nghị của bị đơn:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án cũng không gửi văn bản trả lời về nội dung đơn kiện mặc dù đã được Tòa án nhân dân Quận 12 tổng đạt thông báo thụ lý và triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ kiện.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra còn nhận xét về việc tham gia tố tụng của các đương sự. Viện Kiểm sát đề nghị Tòa án khắc phục vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Đây là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", tại thời điểm ký hợp đồng, bị đơn cư trú tại Quận A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên theo quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

Hồ sơ thể hiện, vào ngày 24/8/2022, giữa ông Hà Thái T và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có giao kết, thực hiện hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Nguyên đơn là ngân hàng thương mại hoạt động theo Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên được cấp tín dụng theo hình thức “phát hành thẻ tín dụng” theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngân hàng đã cấp cho ông T thẻ tín dụng số 472074-4860 (Số tài khoản 3020368373), hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 196.158.616 đồng. Quá trình sử dụng, ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 11/01/2024, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Trước khi chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, ngân hàng đã thực hiện thông báo cho ông T là ngân hàng đã thực hiện đúng quy định tại Khoản mục 7 và 13.2 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S (Sau đây gọi tắt là Điều khoản và điều kiện).

Việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của ông T là căn cứ cho ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ theo quy định tại điểm a Khoản mục 24.4 của Điều khoản và điều kiện phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Lãi và phí được ngân hàng tính theo quy định tại Khoản mục 23 và 25 của Điều khoản và điều kiện trên cơ sở mức lãi theo quy định của ngân hàng trong từng thời kỳ và phí quy định trong biểu phí của ngân hàng là phù hợp với quy định tại khoản 1 và 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định, tính đến ngày 09/6/2025, ông T còn nợ ngân hàng như sau: Nợ gốc là 24.322.124 đồng, nợ lãi quá hạn là 17.356.692 đồng, tổng cộng là 41.678.816 đồng.

Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, buộc ông T trả cho ngân hàng số tiền còn thiếu nói trên. Đồng thời, ông T phải trả khoản lãi phát sinh từ ngày 10/6/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Do bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 41.678.816 đồng nên bị đơn phải chịu án phí là: $5\% \times 41.678.816 \text{ đồng} = 2.083.941 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điểm a và b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 và 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Số thẻ tín dụng 472074-4860, số tài khoản 3020368373) ông Hà Thái T và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã ký kết bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 24/8/2022 và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của của ngân hàng TMCP S có hiệu lực từ 29/11/2019, tính đến ngày 09/6/2025, ông Hà Thái T còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc là 24.322.124 (Hai mươi bốn triệu ba trăm hai mươi hai ngàn một trăm hai mươi bốn) đồng, nợ lãi quá hạn là 17.356.692 (Mười bảy triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm chín mươi hai) đồng, tổng cộng là 41.678.816 (Bốn mươi một triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn tám trăm mười sáu) đồng. Buộc ông T phải trả một lần số tiền nợ này cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 10/6/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Hà Thái T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Hà Thái T phải chịu án phí là 2.083.941 (Hai triệu không trăm tám mươi ba ngàn chín trăm bốn mươi một) đồng.

2.2. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 814.921 (Tám trăm mười bốn ngàn chín trăm hai mươi một) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0040901 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Quận 12;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh